



PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:


- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 04 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 132.212.340.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.212.340.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: (0290) 3831608 - Fax : (0290) 3832297
- Số fax: (02903) 580827
- Website: www.camimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: CMX


Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Camimex Group (tên trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau) - tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977,

CAMIMEX GROUP

 333 Cao Thang, Ward 8, Camau City, Vietnam

 +84 2903 838 874

 +84 2903 832 297

 cmc@camimex.com.vn

 camimex.com.vn

Representative Office: 8th Floor, Bitexco Nam Long Tower, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 28 3933 0556

Fax: +84 28 3933 0557



là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

- Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX). Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản.
- Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
- Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.
- Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV. HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh



doanh Vốn Nhà nước (SCIC) ngày 20/11/2011, Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

- Để phù hợp với sự phát triển của công ty trong thời gian tới, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 18/04/2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành Công ty cổ phần Camimex Group.

- Các sự kiện khác:

- Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 đồng lên 88.815.000.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 đồng lên 93.016.160.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 đồng lên 114.967.970.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 đồng lên 132.212.340.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 9 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 12 ngày 07 tháng 08 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 13 ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc cập nhật theo luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 15 ngày 19 tháng 04 năm 2018, đổi tên công ty từ Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần Camimex Group.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a, Ngành nghề kinh doanh:



- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi tôm.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

b, Địa bàn kinh doanh:



Công ty có 03 xí nghiệp sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu tại thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau; 01 chi nhánh tại Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 Văn phòng đại diện tại Quận 3, TP. Hồ Chí Minh; khu nuôi tôm tại huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang và các trạm thu mua thủy sản đóng trên địa bàn thành phố Cà Mau ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

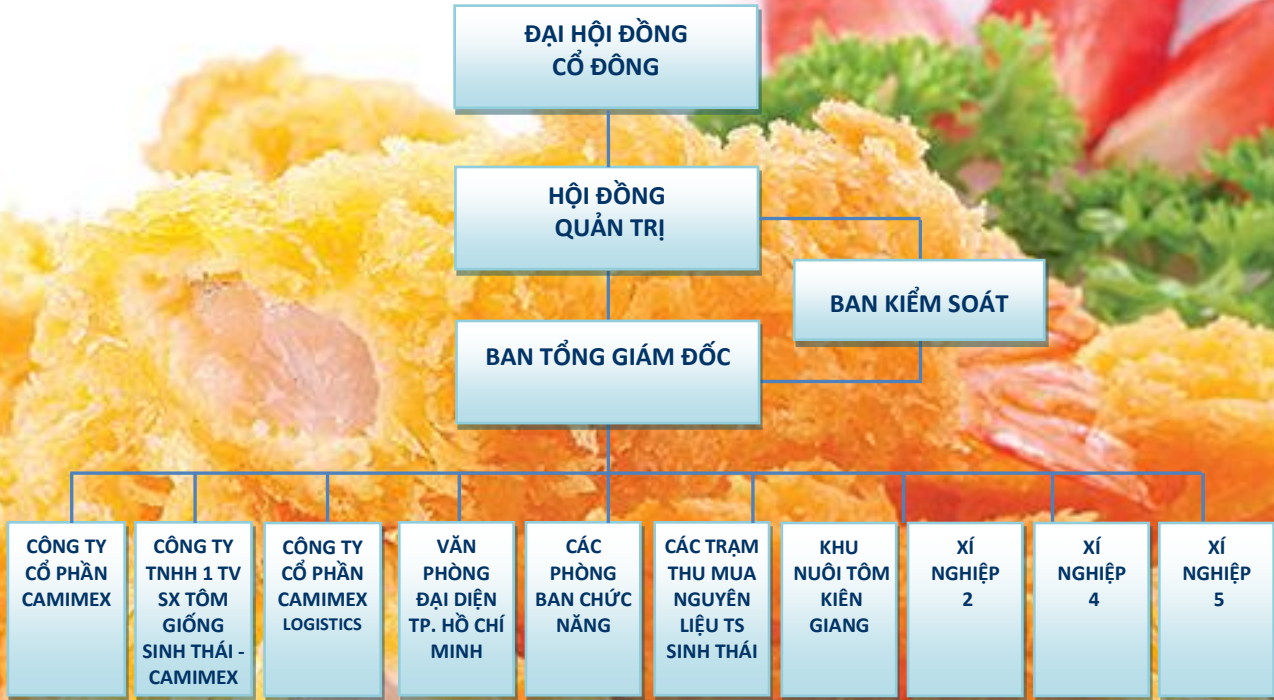
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị (HĐQT);
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



- Các công ty con, công ty liên kết:

Các công ty con:

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX** (được đổi tên từ Công ty TNHH Camimex).

- Tên viết tắt: CAMIMEX CORP
- Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Vốn điều lệ: 515.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 97%
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

❖ **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TÔM GIỐNG SINH THÁI- CAMIMEX**

- Tên viết tắt: CAMIMEX - ORGANIC HATCHERY
- Địa chỉ: ấp Nhà Hội, Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu : 100%
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX LOGISTICS** (được đổi tên từ Công ty cổ phần Camimex SG).

- Tên viết tắt: CAMIMEX LOGISTICS
- Địa chỉ: 33/3 Gò Ô Môi, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 15.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 86,67%
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

4. Định hướng phát triển::

❖ Lợi thế của ngành thủy sản Việt Nam là có đường bờ biển dài với hệ thống sông ngòi ao hồ dày đặc. Nguồn nguyên liệu thủy sản chủ yếu là từ hoạt động đánh bắt và nuôi trồng trong nước với tỷ trọng là 83%. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu chiếm 17% chủ yếu đến từ Ấn độ và có xu hướng tăng dần theo sản lượng do lợi thế về giá.

❖ Điểm yếu lớn nhất của ngành là không có các vùng nuôi tập trung dẫn tới không kiểm soát được về sản lượng và chất lượng, trong khi hai thị trường lớn nhất của Việt Nam là EU và Mỹ rất khó tính trong vấn đề này.

❖ Năm 2018 ngành tôm mặc dù chững lại trong nửa đầu năm 2018 do giá tôm giảm do 03 nước xuất khẩu tôm lớn Ấn Độ, Thái Lan và Bangladesh vào mùa vụ thu hoạch chính. Mặt khác tại thị trường Nhật Bản, 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Hàn Quốc cũng đã gửi hai bức thư tới Việt Nam cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, chính thức từ ngày 31/12, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.

❖ Điểm sáng duy nhất cho tôm Việt trong năm 2018 là việc Mỹ giảm mạnh thuế chống bán



phá giá trong đợt xem xét hành chính lần thứ 12 (POR12) so với những lần xem xét trước đó, tạo tâm lý lạc quan cho các doanh nghiệp tôm Việt Nam khi bán hàng vào thị trường Mỹ trong thời gian tới. Theo đó, thuế chống bán phá giá áp dụng cho sản phẩm tôm của hơn 30 doanh nghiệp Việt Nam là 4,58%, thấp hơn nhiều so với mức sơ bộ 25,76%, cũng như mức áp dụng của đợt xem xét lần thứ 11 là 4,78%.

Trước những khó khăn về giá, hàng rào thuế quan, các hàng rào kỹ thuật do các thị trường lớn dựng lên. Để đạt được kế hoạch và mục tiêu phát triển đề ra như tập trung phát triển những thị trường tiềm năng và giữ vững lượng khách hàng truyền thống để nâng cao tỉ trọng xuất khẩu, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm trsinh phụ thuộc vào một vài nhóm khách hàng.

Nguồn nguyên liệu .



- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là lợi thế về nuôi tôm sú sinh thái và các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển nguồn nguyên liệu ổn định, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc điểm sinh thái để tăng năng suất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng cao đạt chứng nhận tôm sinh thái.

❖ Nâng cao chất lượng sản phẩm từ việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến.

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên (đặc biệt là lợi thế nuôi tôm sú sinh thái) các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ngày nay, việc áp dụng khoa học công nghệ đang được xem là kim chỉ nam để các doanh nghiệp thủy sản phát triển bền vững. Tuy nhiên, để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải có giải pháp công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển, đặc biệt khi nhắm tới các thị trường xuất khẩu khó tính như Nhật, Mỹ, EU....

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng - chế biến hải sản không chỉ giúp tăng năng suất, chất lượng mà còn giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững, mang tính đột phá, khi có được nguồn nguyên liệu ổn định, khâu chế biến thủy sản cũng cần có bước phát triển hơn nữa như đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, việc chế biến thủy sản cần tập trung vào những sản phẩm mới, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu đối với từng sản phẩm trong Công ty.

❖ Công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực .

Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có những tác động nhất định đến thị trường lao động, và lực lượng lao động cần chuẩn bị để kịp thời thích ứng. ưu tiên nhất việc “phát triển tự động hóa” hoặc “tuyển dụng nhân lực có kỹ năng phù hợp với công nghệ mới”. Đối với người lao động, tự động hóa sẽ gây ra thay đổi lớn nhất cho ngành sản xuất vì khả năng thay thế lao động giản đơn. Tuy nhiên, thay vì lo lắng với sự cạnh tranh của máy móc, người lao động cần chủ động phát triển những kỹ năng cần thiết. Ngoài ra, bản chất công việc thay đổi sẽ đòi hỏi về những kỹ năng phức tạp hơn ở người lao động, với 3 kỹ năng được dự đoán là: hợp tác với người khác, kỹ năng quản lý con người, trí tuệ cảm xúc. Việc bổ sung và phát triển những năng lực và kỹ năng này sẽ giúp con người có khả năng làm chủ máy móc, ứng dụng sáng tạo và áp dụng công nghệ trong công việc.



- Nâng cao công tác đào tạo người biết làm hướng dẫn người mới vào làm ngay trong chính các công đoạn sản xuất chế biến. hàng năm tổ chức hội thi tay nghề giỏi và nâng cấp bậc nghề trong toàn Công ty.

5. Các rủi ro:

- Chí phí vốn lớn: ngành thủy sản đòi hỏi đầu tư vốn lớn trong khi nguồn vốn tự có của Công ty hạn chế chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng.

- Giá thành sản xuất nguyên liệu cao: Ngành nuôi tôm và một số sản phẩm thủy sản chủ lực của Việt Nam được nhìn nhận và so sánh với các ngành tương tự tại Ấn Độ, Thái Lan cho thấy giá thành của Việt Nam đang cao hơn từ 10-30%. Có nhiều yếu tố tác động tạo ra giá thành sản phẩm cao (từ giống, thức ăn, các vật tư đầu vào, lãi vay, tổn thất sau thu hoạch, điện-nước, các chi phí hành chính...). Đây cũng là yếu tố quan tác động lên hệ số cạnh tranh của thủy sản Việt Nam.

- Diễn biến thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu tiếp tục khó lường và khắc nghiệt; những vấn đề từ chính khâu nuôi, chế biến như dư lượng kháng sinh, tạp chất trong sản phẩm; cùng với việc các thị trường xuất khẩu vẫn còn đó những rủi ro về thuế, các chương trình thanh tra, vấn đề thẻ vàng của Ủy ban châu Âu về khai thác bất hợp pháp... Do đó, để phát triển, ngành thủy sản cần phải đi theo hướng bền vững, hướng sản xuất lớn, có truy xuất nguồn gốc.

- Một tồn tại lớn mà ngành tôm lâu nay chưa giải quyết được là việc sử dụng kháng sinh trong quá trình nuôi. Theo Bộ Nông nghiệp, lượng thuốc kháng sinh sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tăng một cách đáng lo ngại trong vài năm trở lại đây. Trong khi đó, các thị trường xuất khẩu lớn và nhiều tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu... ngày càng tăng tần suất kiểm soát dư lượng chất kháng sinh trong sản phẩm tôm nhập khẩu.

- Hiện nay, Tại Nhật Bản, 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Hàn Quốc cũng đã gửi hai bức thư tới Việt Nam cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, chính thức từ ngày 31/12, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.



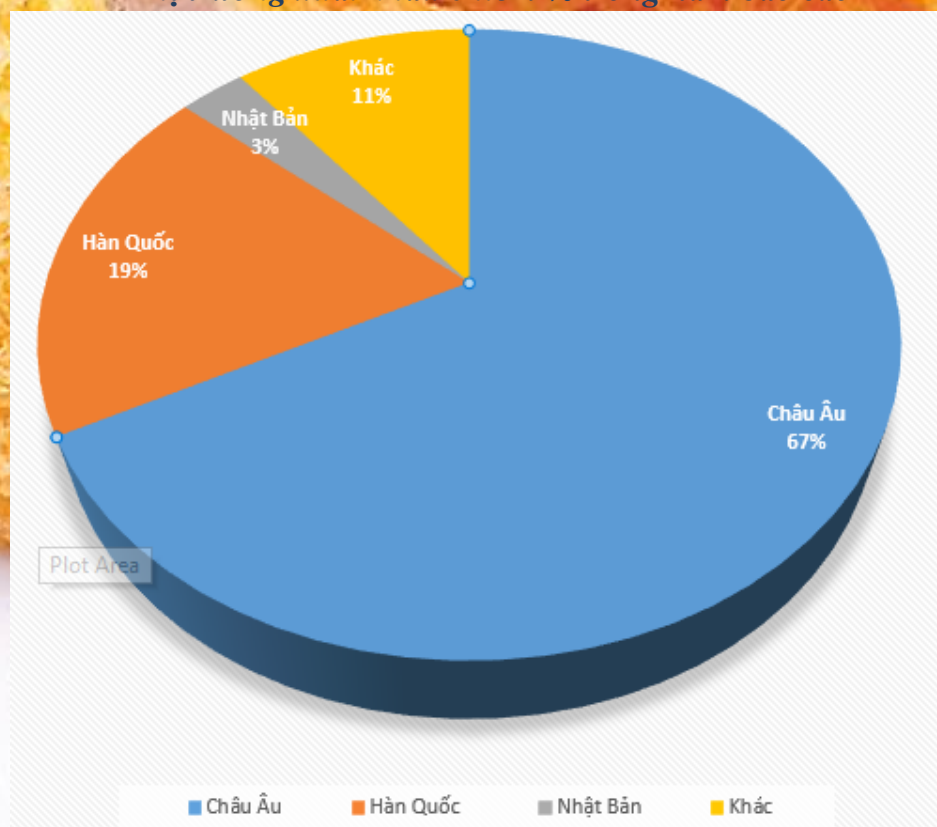
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù trong năm 2018 Công ty phải đối mặt với nhiều thử thách như biến đổi khí hậu, những rào cản thương mại của các nước nhập khẩu, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV thực hiện theo chỉ đạo của Ban HĐQT kim ngạch xuất khẩu năm 2018 Công ty đã có sự tăng trưởng tốt hơn với cùng kỳ năm 2017.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	So sánh với KH	So sánh với cùng kỳ
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	39,33	43.8	76.8	57,03%	111,36%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	3.544	4.437,3	6.000	73,96%	125,20%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	898,3	1.062,2	1.677,5	63,32%	118,25%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,4	93,75	69,7	134,60%	308,38%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,7	80,77	62,7	128,84%	302,51%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	2.016	6,105	4.742	129,84%	302,83%

Thị trường xuất khẩu chiếm % trong năm báo cáo



2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

- | | | |
|------------------------------|---|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn An Ninh | - | Tổng giám đốc |
| 2. Ông Bùi Đức Cường | - | Phó Tổng giám đốc |
| 3. Bà Trương Thị Bích Phượng | - | Phó Tổng giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Hà | - | Kế toán trưởng |

TÓM TẮT LÝ LỊCH

❖ Ông Nguyễn An Ninh

- Năm sinh : 1958
- Quá trình công tác:
 - + Trước ngày 12/01/2006 : Giám đốc Công ty THHH Hải Nam
 - + Từ ngày 01/2006 đến 11/2011: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty
 - + Từ ngày 11/2011 đến 06/2012: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty
 - + Từ ngày 19/06/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần sở hữu: 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)

❖ Ông Bùi Đức Cường

- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1997 đến năm 2008: Công tác tại Công ty Minh Phú
 - + Từ năm 2009 đến năm 2013: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty
 - + Từ tháng 06/2013 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị công ty
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty.
- Số cổ phần sở hữu 1.920.000 cổ phần (tỷ lệ 14,52%/ Vốn điều lệ).

❖ Bà Trương Thị Bích Phượng

- Ngày tháng năm sinh : 26/10/1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1991 đến năm 1993 : Công tác tại Xí nghiệp đông lạnh Tân Thành
 - + Từ năm 1994 đến năm 2002 : KCS Công ty
 - + Từ năm 2002 đến năm 2005 : Tổ trưởng Kiểm nghiệm Công ty
 - + Từ năm 2006 đến năm 2010 : Trưởng phòng QM kiêm trợ lý Tổng giám đốc Công ty.
 - + Từ năm 2010 đến tháng 03/2013: Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc kho Công ty
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất công ty
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc công ty
- Số cổ phần sở hữu : 4 cổ phần (tỷ lệ 0,00%/Vốn điều lệ).

❖ Ông Nguyễn Trọng Hà

- Năm sinh : 29/06/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
- Quá trình công tác :
 - + Năm 1999 - 05/2006 : Kế toán tổng hợp XNCB.TS Đầm Dơi
 - + Từ 05/2006 - 12/2006 : Kế toán Viettel Cà Mau
 - + Từ 01/2007 - 12/2007 : Trưởng phòng bán hàng Viettel
 - + Từ 01/2008 - 08/2011 : Phó giám đốc KD Viettel Cà Mau
 - + Từ 09/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.

b. Những thay đổi trong ban điều hành.

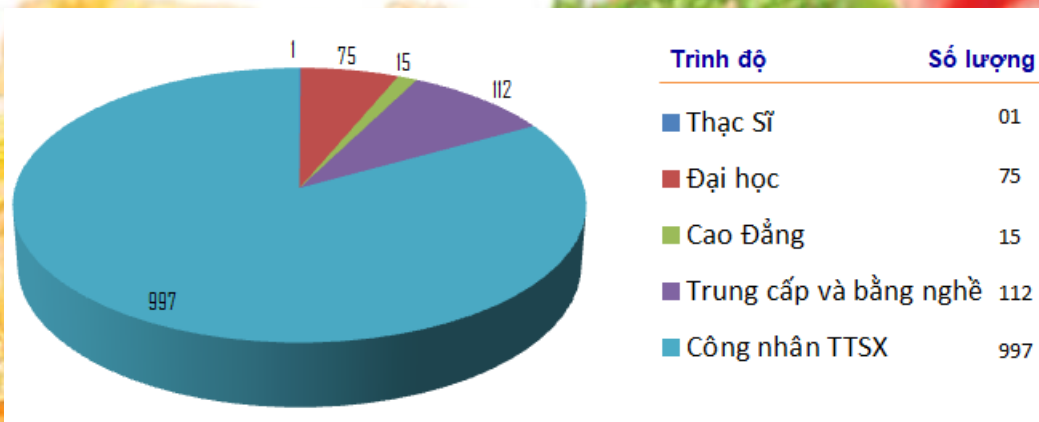
Không có thay đổi trong ban điều hành trong năm 2018.



c. Số lượng cán bộ, nhân viên.

* Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Công ty hiện có 1.200 lao động, với đội ngũ cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm và công nhân có tay nghề lâu năm trong ngành thủy sản.



* Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:





- Là doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thỏa đáng cho người lao động, xây dựng quy chế trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc...

- Tổ chức tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động, tổ chức thăm hỏi gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn vào các ngày lễ, tết....



- Công ty tổ chức xe đưa rước công nhân, tổ chức xe đưa rước công nhân miễn phí từ nhà đến nơi làm việc cho các công nhân ở xa không có điều kiện đi lại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty, góp phần tạo công ăn việc làm, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

- Công ty luôn quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tại đơn vị, thường xuyên kết hợp với tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên chăm lo đời sống người lao động, tổ chức nhiều phong trào hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ... nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất...



- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong công ty



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2018 tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các Xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất.
- Tổng giá trị mua sắm đầu tư trong năm: 15.529.889.728 đồng.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Có 3 Công ty con.

Chỉ tiêu	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN CAMIMEX			CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TÔM GIỐNG SINH THÁI CAMIMEX		
	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1,230,396,905,697	1,041,064,486,370	85%	18,660,977,609	28,492,809,735	152.69%
Doanh thu thuần	1,545,925,640,491	1,327,553,540,309	86%	40,653,793,331	73,612,194,438	181.07%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18,017,639,628	69,786,211,758	387%	-1,007,731,031	-2,132,538,832	-211.62%
Lợi nhuận khác	-2,988,952,233	3,707,509,080	124%	1,985,810,489	3,741,813,702	188.43%
Lợi nhuận trước thuế	15,028,687,395	73,493,720,838	489%	978,079,458	1,609,274,870	164.53%
Lợi nhuận sau thuế	11,362,629,347	63,753,363,027	561%	749,490,625	1,268,473,939	169.24%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức						

Chỉ tiêu	CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX SG		
	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản		18,813,900,557	
Doanh thu thuần		8,574,955,538	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		497,398,215	
Lợi nhuận khác		-98,469,081	
Lợi nhuận trước thuế		398,929,134	
Lợi nhuận sau thuế		299,455,871	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			



4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	733,508,040,841	876,302,664,513	119%
Doanh thu thuần	898,312,389,028	1,062,202,844,265	118%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34,070,344,659	95,874,252,655	281%
Lợi nhuận khác	(3,703,053,852)	(2,122,163,604)	57%
Lợi nhuận trước thuế	30,367,290,807	93,752,089,051	309%
Lợi nhuận sau thuế	26,656,897,652	80,768,352,431	303%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,016	6,105	303%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,71	0,82
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,16	0,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,92	0,84
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,3	5,33
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,1	2,2
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,2	1,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,03	0.08
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,45	0.58
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,04	0.09
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,04	0.09

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 13.221.234 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 13.221.234 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 13.221.234 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

b. Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 823/CNVSD-ĐK ngày 22/02/2019 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

TT	Diễn giải	Số lượng CP	Tỷ lệ
	Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu	13.221.234	100%
1	Cổ đông lớn	7.177.043	54,28%
2	Cổ đông nhỏ	6.044.191	45,72%
	Cơ cấu theo Tổ chức và cá nhân	13.221.234	100%
1	Cổ đông là tổ chức	2.831.518	21,42%
2	Cổ đông là cá nhân	10.389.716	78,58%
	Cơ cấu theo Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác	13.221.234	100%
1	Cổ đông trong nước	12.684.907	95,94%
2	Cổ đông ngoài nước	536.327	4,06%
3	Cổ đông nhà nước	0	0
4	Cổ đông khác	0	0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
Vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:
Không phát sinh trong năm 2018

e. Các chứng khoán khác:
Không phát sinh trong năm 2018.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng tôm nguyên liệu sản xuất trong năm: 4.437.262,841kg
- Tổng thành phẩm đóng gói xuất bán trong năm: 3.587.385,268 kg

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Tỷ lệ vật tư bao bì được tái sử dụng: bao bì tạm chiếm 97%
- Nguyên liệu đầu vỏ: được tái chế sử dụng trong ngành y tế và phục vụ trong chăn nuôi gia súc.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

❖ Năng lượng trực tiếp cho sản xuất trong đó:

- Điện tiêu thụ: 11.597.762 KWH.
- Dầu trực tiếp sử dụng cho lò hơi hấp tôm có công suất 1.250 kg hơi/giờ: 58.000 lít/năm
- Máy phát điện dự phòng có công suất 5.000 KVA: 25.000 lít/năm

❖ Năng lượng gián tiếp:

- Điện tiêu thụ gián tiếp cho các bộ phận Văn phòng liên quan: 150.000 KWH.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Sáng kiến cải tiến kỹ thuật: Mạnh dạn đầu tư thay đổi công nghệ đông IQF từ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, chi phí năng lượng cao 720 Kw/Tấn TP, chi phí hao hụt cao. Sang thiết bị có công nghệ tiên tiến thời gian cấp đông nhanh tỷ lệ thu hồi sản phẩm cao, chi phí điện năng giảm so với công nghệ cũ tiết kiệm được 200 Kw/Tấn TP và nhờ áp dụng chương trình “Sản xuất sạch hơn” do dự án SEAQUIP của chính phủ Đan Mạch tài trợ mà năng lượng sử dụng như: Dầu, điện được tiết kiệm hàng chục ngàn kW mỗi năm.

- Năm 2018 lắp thêm 01 băng chuyền IQF mới.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng :

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao nghiệp vụ, nâng cấp về chuyên môn, trong công việc luôn sáng tạo trong nghiên cứu sử dụng công nghệ, máy móc thiết bị phù hợp với sức người và sản xuất ra sản phẩm đạt chuẩn đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tiết kiệm được năng lượng hàng chục ngàn kW mỗi năm và giảm thời gian trong sản xuất

6.3. Tiêu thụ nước:

Nước tiêu thụ: 195.799 m³

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước khai thác từ giếng khoan của Công ty.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng;

Công ty có nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2015/BTNMT) không tái sử dụng nước.



6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:



a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không vi phạm.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty là: 1.200 người
- Thu nhập bình quân đạt: 6.000.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:



- Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

- Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, công ty tổ chức tự đào tạo tay nghề đối với công nhân trực tiếp sản xuất, tổ chức huấn luyện An toàn lao động, phòng chống cháy nổ định kỳ cho toàn thể công nhân lao động. Đối với các bộ phận gián tiếp, bán trực tiếp: công ty tổ chức cho cán bộ, công nhân đi tập huấn theo thu mời, và tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn...



6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Bên cạnh các hoạt động đầu tư kinh doanh, tạo tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương, công ty đã tham gia tích cực vào các phong trào có liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi có trụ sở và chi nhánh, dự án công ty hoạt động:

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: Công ty hiện đang nhận phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thường xuyên tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ tài chính hàng tháng để nuôi dưỡng Mẹ. Giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Đóng góp hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa. Hàng năm đều tổ chức cho cán bộ, công nhân viên thấp hương tưởng niệm các vị anh hùng tại nghĩa trang liệt sỹ .



- Từ thiện - xã hội: Công ty luôn duy trì các hoạt động phong trào ủng hộ quỹ vì người nghèo, gia đình có công với cách mạng, đồng bào bị bảo lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm công đoàn, phát quà cho người dân gặp hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, tết...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	So sánh với kế hoạch
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	43,8	76,8	57,03%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4.437,3	6.000,0	73,96%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.062,2	1.677,5	63,32%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	93,75	69,65	134,60%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80,77	62,69	128,84%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	6,105	4,742	129,74%

Những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Diễn biến thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu tiếp tục khó lường và khắc nghiệt; những vấn đề từ chính khâu nuôi, chế biến như dư lượng kháng sinh, tạp chất trong sản phẩm; cùng với việc các thị trường xuất khẩu vẫn còn đó những rủi ro về thuế, các chương trình thanh tra của Ủy ban thanh tra Châu Âu.
- Thuế chống bán phá giá cho sản phẩm tôm tại Mỹ là 4,78% đối với công ty.
- Thị trường Nhật Bản 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, chính thức từ ngày 31/12, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.

❖ Những tiên bộ công ty đã đạt được:



- Trong năm 2018 Công ty tiếp tục sửa chữa và nâng cấp lại toàn bộ hạ tầng, máy móc, thiết bị của Xí nghiệp 2 và Xí nghiệp 4 và Xí nghiệp 5 luôn đảm bảo, an toàn, thuận lợi trong sản xuất.



- Duy trì ổn định hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau: HACCP, GMP, SSOP, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, Organic, BSCI. Công ty đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse, Naturland, và là một trong những Doanh nghiệp doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic trại giống. Đây là tiêu chuẩn chất lượng cao vì khi đạt tiêu chuẩn này thì con tôm có giá trị rất cao khi xuất khẩu.
- Camimex cam kết đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu. Nguồn nguyên liệu nhận vào được kiểm soát chặt chẽ. Camimex luôn cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hơn nữa sự thỏa mãn của khách hàng.
- Được cấp chứng nhận ASC, BAP, Organic EU, Bio Suisse, Naturland, cho farm, trại giống và nhà máy để tăng cường bán mở rộng thị trường Châu Âu, Cannada bán sản phẩm chất lượng cao.
- Camimex bổ sung thêm chứng nhận Halal để mở rộng thị trường sang các nước Trung Đông





- Bộ máy quản lý luôn được sắp xếp tinh gọn và được đào tạo chuyên môn tay nghề cao để đảm bảo tốt nhiệm vụ và công việc được phân công.
- Camimex không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.
- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.
- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.
- Luôn thay đổi và áp dụng hiện đại hóa sản xuất cũng như tuân thủ đúng nguyên tắc của thị trường, vì một nền sản xuất an toàn cho môi trường và hệ sinh thái, phát triển bền vững.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản	Tại 31/12/2018	Tại 31/12/2017
A- Tài sản ngắn hạn	601.383.970.638	467.512.128.862
B- Tài sản dài hạn	274.918.693.875	265.955.911.979
Tổng tài sản	876.302.664.513	733.508.040.841
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	737.884.594.797	673.778.831.966
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	138.418.069.716	59.729.208.875
Tổng nguồn vốn	876.302.664.513	733.508.040.841



b. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	0.64	0.6
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	0.36	0.4
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.9	1.0
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0.08	0.03
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.71	0.7
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.16	0.2
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0.03	(0.05)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0.03	(0.05)
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.04	(0.06)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.04	(0.06)
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	0.45	(1.87)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định và phát huy năng lực sáng kiến trong toàn Bộ máy nhân sự, giao việc phù hợp với đúng chuyên môn được đào tạo, không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.

- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.

- Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Cơ cấu, hoàn thiện tổ chức bộ máy công ty tinh gọn, hiệu quả. Cải thiện môi trường làm việc, tăng cường phúc lợi cho người lao động.

- Cấu trúc lại công ty con (Công ty Cổ phần Camimex) để thành công ty đại chúng và niêm yết trên UPCOM. Tìm kiếm nhà đầu tư cho công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.

- Tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.

- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt	:	113,19 triệu USD
- Sản lượng sản xuất	:	8.400 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần	:	2.637,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	214,16 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	198,74 tỷ đồng

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.

- Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và



thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty nhận thức công tác bảo hộ lao động có liên quan mật thiết tới sản xuất và trực tiếp phục vụ cho sản xuất, từ đó việc trang bị bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động luôn được chú trọng quan tâm.
- Công tác huấn luyện an toàn lao động được công ty thực hiện thường xuyên theo giáo trình do công ty biên soạn, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được kiểm định chứng nhận an toàn.
- Chế độ tiền lương, tiền ăn giữa ca, các phúc lợi, khen thưởng theo năng suất lao động... đều được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, các tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, thông qua việc thường xuyên tiếp thu ý kiến, tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó có mối quan hệ hài hòa giữa người lao động, công ty và cộng đồng địa phương.
- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Thông qua sự chung tay của toàn thể người lao động trong công ty, với các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.
- Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:

Căn cứ vào các đơn đặt hàng của khách hàng và năng lực sản xuất của Công ty cũng như định hướng trong kinh doanh trong năm, nếu nguồn vốn lưu động được các tổ chức tín dụng hỗ trợ nguồn theo Kế hoạch xuất khẩu kinh doanh năm 2018 thì ngoài hoàn thành cũng có thể vượt kế hoạch trên 120%. Do thiếu nguồn vốn trực tiếp cho thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu đáp ứng theo kế hoạch, trong khi việc nâng cấp hạ tầng thiết bị cũng đòi hỏi hoàn thiện, việc chịu nhiều ảnh hưởng từ thời tiết như hạn hán, xâm nhập mặn.. Mức thuế chống bán phá giá



đối với con tôm tại thị trường Hoa Kỳ là 4.78%. Yêu cầu về giới hạn hàm lượng các chất cấm ở một số thị trường ngày càng khắt khe. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản. Đánh giá trước tình hình khó khăn và dựa trên tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ngay từ đầu năm HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, kiểm soát chất lượng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Về hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban giám đốc	Phụ trách	Chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Điều hành chung)	Thạc sĩ	22
Nguyễn An Ninh	Tổng Giám Đốc (Phụ trách chung)	Đại học	32
Trương Thị Mỹ Phượng	Phó Tổng Giám Đốc (P. T sản xuất)	Đại học	29
Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám Đốc (PT: Tài Chính Kế Toán)	Đại học	17

Ban Giám đốc điều hành hoạt động, dựa trên các chỉ tiêu định hướng đã được đề ra của Hội đồng quản trị công ty. Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có nhiều giải pháp đột phá mạnh mẽ và quyết liệt trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, thực hiện và kiện toàn bộ máy, chế độ báo cáo. Hội đồng Quản trị cùng sát cánh với Ban Giám đốc để đưa Camimex tiếp tục ổn định tổ chức, duy trì sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Cơ cấu, hoàn thiện, tổ chức bộ máy công ty tinh gọn, hiệu quả, cải thiện môi trường làm việc, tăng cường phúc lợi cho người lao động.
- Cấu trúc lại Công ty con (Công ty Cổ phần Camimex) để thành công ty đại chúng niêm yết trên UPCOM.

- Tìm kiếm nhà đầu tư cho Công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các Xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và chiến lược tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước dự kiến kim ngạch xuất khẩu 113,19 triệu USD năm 2019.
- Tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.
- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.
- Tiếp tục hoàn tất đầu tư xây dựng hoàn thiện Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4 dự kiến cuối quý II/2019 sẽ hoàn thiện việc đầu tư nâng cấp này.
- Tìm kiếm nguồn vốn thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà máy Xí nghiệp 5 với vốn dự kiến cần thêm khoảng 5 triệu USD, dự kiến cuối Quý III/2019 sẽ đi vào hoạt động.
- HĐQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng chiến lược, định hướng phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tham gia tích cực hỗ trợ Ban Giám Đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày để Camimex duy trì sự hoạt động thông suốt, bảo đảm các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty là 05 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên HĐQT. Có 02 thành viên HĐQT tham gia vào Ban điều hành công ty là: Ông Nguyễn An Ninh - Tổng Giám đốc và Ông Bùi Đức Cường - Phó Tổng giám đốc.

- ❖ Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Ngày tháng năm sinh : 12/10/1971
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 - Số cổ phần đại diện : 2.542.833 cổ phần (tỷ lệ 19,23%/Vốn điều lệ)
- ❖ Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Năm sinh : 1958
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
 - Số cổ phần sở hữu : 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)
- ❖ Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - Năm sinh : 1959
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Chế biến Thủy sản
 - Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.
- ❖ Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần sở hữu : 1.920.000 CP (tỷ lệ 14,52%/VĐL).
- ❖ Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Năm sinh : 1985
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại
 - Số cổ phần sở hữu : 12.137 cổ phần (tỷ lệ 0,09%/VĐL)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty chưa có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tích cực chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua quy chế, nghị quyết, biên bản, tham gia họp trực tiếp với Ban Giám đốc.

Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Ra nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc thực hiện. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe Ban TGD báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo sâu sát về nhân sự, thu mua nguyên liệu, sửa chữa nhà xưởng, trang máy móc thiết bị máy móc, đàm phán khách hàng...

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên thực hiện trao đổi thông tin trong công việc bằng email, điện thoại và các cuộc họp có mặt trực tiếp, nhằm thống nhất đưa ra các chủ trương, chính sách nhanh chóng và kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong năm qua Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để thông qua các vấn đề liên quan. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên, bao gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên.

❖ Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng ban kiểm soát

- Ngày tháng năm : 31/07/1980
- Trình độ chuyên môn : Đại học luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 19/08/1971
- Trình độ chuyên môn : ĐH Tài chính tín dụng; Đại học Luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh : 01/10/1980
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị kinh doanh; TC Kế toán.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất để thông báo, nắm bắt và giám sát tình hình hoạt động của công ty, đồng thời xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động của các thành viên.

Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản trị, tham gia trực tiếp ý kiến về việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế công ty có liên quan đến quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Thường xuyên giám sát quá trình hoạt động của công ty nhằm phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý và điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2018.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

Chi tiết BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018: Tham khảo đính kèm phía dưới.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



BÙI SĨ TUẤN



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 37
8. Phụ lục	38 - 41



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (0290) 3.831.608
Fax : (0290) 3.832.297

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Camimex - Kiên Giang	Tổ 1, ấp Càng, xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
2. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 02/CMX.HĐQT/UQ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số: 4.0136/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 26.494.741.863 VND, dẫn đến khoản mục “Hàng tồn kho” (Mã số 140) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh theo giá gốc là 420.979.070.288 VND thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tập đoàn cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi 26.494.741.863 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Giá vốn hàng bán” sẽ tăng thêm 26.494.741.863 VND, khoản mục “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và “Lợi nhuận sau thuế” sẽ giảm đi tương ứng lần lượt là 3.984.563.686 VND và 22.510.178.177 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		601.383.970.638	467.512.128.862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.609.386.523	8.221.033.794
1. Tiền	111		3.609.386.523	8.221.033.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.907.560.307	73.118.486.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	85.534.811.337	37.363.229.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	66.901.802.816	25.883.732.161
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	26.955.320.819	25.012.266.035
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(15.484.374.665)	(15.219.539.671)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	78.799.157
IV. Hàng tồn kho	140		420.979.070.288	363.044.796.089
1. Hàng tồn kho	141	V.6	420.979.070.288	384.306.131.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(21.261.335.580)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.887.953.520	23.127.812.150
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.057.587.552	551.379.851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.310.608.903	8.946.893.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	7.519.757.065	13.629.539.199
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.918.693.875	265.995.911.979
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.305.108.420	1.246.621.200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.305.108.420	1.246.621.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		137.162.176.064	143.630.396.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	135.200.475.518	141.413.415.092
- Nguyên giá	222		352.684.514.221	336.648.907.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.484.038.703)	(195.235.492.401)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.961.700.546	2.216.981.362
- Nguyên giá	228		9.245.105.542	9.145.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.283.404.996)	(6.928.124.180)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		129.654.459.128	117.632.280.401
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	129.654.459.128	117.632.280.401
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.796.950.263	3.486.613.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.895.292.323	3.029.107.082
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	1.901.657.940	457.506.842
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		876.302.664.513	733.508.040.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		737.884.594.797	673.778.831.966
I. Nợ ngắn hạn	310		729.580.053.461	660.409.970.678
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	286.570.412.768	224.496.935.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.845.374.200	2.270.970.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.544.915.573	9.212.158.973
4. Phải trả người lao động	314	V.15	6.746.253.381	5.689.398.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	399.559.703	359.170.534
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	22.167.886.496	24.808.943.055
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	392.290.599.424	392.557.342.156
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.304.541.336	13.368.861.288
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	7.851.395.686	12.909.568.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	3.145.650	9.293.288
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.418.069.716	59.729.208.875
I. Vốn chủ sở hữu	410		138.418.069.716	59.729.208.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	2.108.777.051	(74.528.354.961)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(74.532.508.385)	(74.528.354.961)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		76.641.285.436	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.101.728.829	50.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		876.302.664.513	733.508.040.841

Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.062.838.261.171	902.460.455.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	635.416.906	4.148.066.211
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.062.202.844.265	898.312.389.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	867.949.038.021	770.160.275.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		194.253.806.244	128.152.113.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.142.406.979	4.722.593.059
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	31.788.526.930	28.884.053.592
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.952.390.226	23.130.826.053
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	31.389.939.594	36.328.854.150
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	40.343.494.044	33.591.453.728
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.874.252.655	34.070.344.659
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.129.143.630	2.060.926.400
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.251.307.234	5.763.980.252
14. Lợi nhuận khác	40		(2.122.163.604)	(3.703.053.852)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.752.089.051	30.367.290.807
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.434.035.357	4.284.743.218
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.450.298.737)	(574.350.063)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.768.352.431	26.656.897.652
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		80.720.777.026	26.656.897.652
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		47.575.405	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	6.105	2.016
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	6.105	2.016


Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		93.752.089.051	30.367.290.807
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	23.095.661.581	21.479.014.879
- Các khoản dự phòng	03		(20.996.500.586)	2.130.879.166
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.571.028	428.604.812
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(615.661.735)	119.084.697
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	25.952.390.226	23.130.826.053
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.191.549.565	77.655.700.414
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		818.067.417.682	(247.887.238.174)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.201.477.286)	(40.142.231.140)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(843.206.334.453)	295.689.248.090
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.133.509.223)	(823.051.863)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.912.001.057)	(25.423.722.886)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.137.844.847)	(6.041.718.576)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.667.800.381	53.026.985.865
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.10 V.11	(28.888.503.637)	(39.977.717.247)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		615.661.735	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.194.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.593.491.157
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.272.841.902)	(32.532.771.545)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

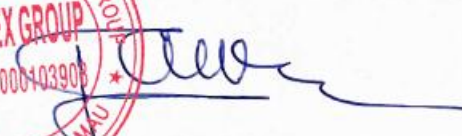
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a,b	1.486.125.147.191		1.520.098.836.233	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a,b	(1.491.196.555.371)		(1.542.422.295.344)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.071.408.180)		(22.323.459.111)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.676.449.701)		(1.829.244.791)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.221.033.794		10.015.155.858	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		64.802.430		35.122.727	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.609.386.523		8.221.033.794	

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019


 Lữ Hồng Lam
 Người lập biểu


 Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng


 Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Camimex SG với tỷ lệ góp vốn là 86,87% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty CP Camimex SG là đầu tư dài hạn.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Thủy sản Camimex)	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống.	100%	100%	100%	100%
Công ty CP Camimex SG	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu..	86,67%	-	86,67%	-

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 802 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 849 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44
Máy móc và thiết bị	03 - 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	775.030.072	3.752.182.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.834.356.451	4.468.851.698
Cộng	<u>3.609.386.523</u>	<u>8.221.033.794</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Mazzetta	11.432.875.491	11.190.935.997
Công ty TNHH Thủy sản Nam Cà Mau	-	18.345.590
H.T.Foods Pvt Ltd	5.127.662.709	1.107.235.113
LP Foods Pte Ltd	4.289.463.750	-
Các khách hàng khác	64.684.809.387	25.046.712.447
Cộng	<u>85.534.811.337</u>	<u>37.363.229.147</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
CMC Seafood Corporation	2.948.430.590	2.468.207.270
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt	8.865.540.075	5.724.543.882
Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Xây dựng Trường Giang	10.669.246.599	3.380.705.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	44.418.585.552	14.310.276.009
Cộng	66.901.802.816	25.883.732.161

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu khách hàng nước ngoài tiền nhận ủy thác xuất khẩu	-	-	10.686.787.061	-
Tạm ứng nhân viên	16.720.772.233	-	10.557.337.958	-
Phải thu khác	10.234.548.586	(511.500.129)	3.768.141.016	(511.500.129)
Cộng	26.955.320.819	(511.500.129)	25.012.266.035	(511.500.129)

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Các tổ chức và cá nhân khác						
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng	<i>Trên 3 năm</i>	11.432.875.491	-	<i>Trên 3 năm</i>	11.190.935.997	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		4.051.499.174	-		4.028.603.674	-
Phải thu tiền bán hàng	<i>Trên 3 năm</i>	1.106.465.005	-	<i>Trên 3 năm</i>	1.083.569.505	-
Phải thu khác	<i>Trên 3 năm</i>	511.500.129	-	<i>Trên 3 năm</i>	511.500.129	-
Trả trước người bán	<i>Trên 3 năm</i>	2.433.534.040	-	<i>Trên 3 năm</i>	2.433.534.040	-
Cộng		15.484.374.665	-		15.219.539.671	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.219.539.671	15.288.728.915
Trích lập dự phòng bổ sung	264.834.994	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(69.189.244)
Số cuối năm	15.484.374.665	15.219.539.671

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.002.350.661	-	8.925.801.983	-
Công cụ, dụng cụ	1.497.805.612	-	2.419.764.991	-
Thành phẩm	410.478.914.015	-	372.479.829.751	(21.261.335.580)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	12.856.256	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	467.878.688	-
Cộng	420.979.070.288	-	384.306.131.669	(21.261.335.580)

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 419.481.264.676 VND (số đầu năm là 360.144.296.154 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của các ngân hàng.

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	354.816.669	106.351.848
Chi phí sửa chữa	576.270.147	-
Chi phí thuê nhà	56.000.000	91.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.500.736	354.028.003
Cộng	1.057.587.552	551.379.851

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	418.776.602	364.095.411
Chi phí sửa chữa	2.822.465.401	1.372.039.481
Tiền thuê đất	1.256.889.246	1.292.972.190
Các chi phí trả trước dài hạn khác	397.161.074	-
Cộng	4.895.292.323	3.029.107.082

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ				
<i>Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ</i>	8.606.034	9.221.820	-	17.827.854
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện</i>	448.900.808	1.883.830.086	(448.900.808)	1.883.830.086
Cộng	457.506.842	1.893.051.906	(448.900.808)	1.901.657.940

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% và 20%.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 75.095.890.514 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.736.905.542	408.200.000	9.145.105.542
Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Số cuối năm	8.736.905.542	508.200.000	9.245.105.542
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	818.520.475	408.200.000	1.226.720.475
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.519.924.180	408.200.000	6.928.124.180
Khấu hao trong năm	352.503.038	2.777.778	355.280.816
Số cuối năm	6.872.427.218	410.977.778	7.283.404.996
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.216.981.362	-	2.216.981.362
Số cuối năm	1.864.478.324	97.222.222	1.961.700.546

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.864.478.324 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.332.830.081	185.000.000	-	1.517.830.081
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang	1.284.004.913	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác	48.825.168	185.000.000	-	233.825.168
Xây dựng cơ bản dở dang	116.299.450.320	11.873.542.363	(36.363.636)	128.136.629.047
Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xí nghiệp 5	6.641.020.885	-	-	6.641.020.885
Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	596.852.000
Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Máy móc thiết bị	38.910.580.398	7.475.467.363	-	46.386.047.761
Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Chi phí xây dựng cơ bản	35.973.292.304	-	-	35.973.292.304
Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục	19.637.839.872	-	-	19.637.839.872
Công trình nâng cấp xí nghiệp 2	7.547.967.618	-	-	7.547.967.618
Công trình máy ép Nobashi xí nghiệp 4	2.808.000.000	4.049.500.000	-	6.857.500.000
Công trình lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động xí nghiệp 2	-	81.075.000	-	81.075.000
Công trình lắp đặt phần mềm quản lý	-	267.500.000	-	267.500.000
Tài sản cố định khác	53.975.000	-	(36.363.636)	17.611.364
Cộng	117.632.280.401	12.058.542.363	(36.363.636)	129.654.459.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn đã thể chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 6.641.020.885 VND (số đầu năm là 6.641.020.885 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	10.107.554.825	19.727.797.401
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	10.107.554.825	19.727.797.401
Phải trả các nhà cung cấp khác	276.462.857.943	204.769.138.059
Trạm thu mua Kiên Giang	7.078.488.974	644.150.350
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau	1.413.083.000	4.913.083.000
Ulka Seafoods (P) Ltd	26.307.389.280	9.989.380.000
Trạm sinh thái 184	1.583.641.375	4.624.214.627
DNTN Vĩnh Lộc	529.865.000	779.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	2.342.342.271	-
Công ty TNHH Thương mại Thái Minh Hưng	363.910.000	-
Các nhà cung cấp khác	236.844.138.043	183.818.445.082
Cộng	286.570.412.768	224.496.935.460

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhất Việt	269.568.382	269.568.382
Công ty TNHH Đại Thịnh	272.000.000	272.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc thú y Thủy sản Thành Thắng	368.146.700	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	358.000.200	-
Tôm sinh thái	1.314.383.760	996.122.160
Các nhà cung cấp khác	1.162.265.297	980.105.005
Cộng	3.744.364.339	2.517.795.547

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Chế biến Nông hải sản Biển Xanh	-	119.600.000
Pacific Rich Resources limited	244.026.635	244.026.635
Verwijs Import Export BV	106.957.187	106.957.187
Shin Kwang Seafood Corp	468.388.602	471.946.635
Blue You Trading LLC	1.957.766.828	-
Figaro Ronen Import and Marketing.,Ltd	574.113.406	-
Các khách hàng khác	494.121.542	1.328.439.746
Cộng	3.845.374.200	2.270.970.203

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Camimex Group

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty TNHH Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống sinh thái - Camimex kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty CP Camimex SG

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập từ các hoạt động khác các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty TNHH Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Camimex Group phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	56.841.130
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả	-	56.841.130
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	399.559.703	302.329.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả	98.236.419	-
Chi phí lãi vay phải trả	301.323.284	302.329.404
Cộng	399.559.703	359.170.534

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	78.761.998	78.761.998
Ông Nguyễn An Ninh	78.761.998	78.761.998
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.089.124.498	24.730.181.057
Kinh phí công đoàn	3.474.106.887	3.170.159.220
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	9.142.796.502	8.035.713.245
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	115.185.133
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	904.524.926	1.650.752.821
Coop, Basel - Tiền mượn	7.252.877.078	7.252.877.078
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải - tiền lãi vay quá hạn	-	3.163.759.176
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.004.903.526	1.041.734.384
Cộng	22.167.886.496	24.808.943.055

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Coop, Basel - Tiền mượn ⁽ⁱ⁾	7.252.877.078	-
Kinh phí công đoàn ⁽ⁱ⁾	2.151.285.795	2.158.469.695
Bảo hiểm xã hội	2.262.153.736	1.419.352.193
Bảo hiểm y tế	238.553.908	149.525.218
Bảo hiểm thất nghiệp	79.517.970	49.841.740
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	44.761.905	44.761.905
Cộng	<u>12.029.150.392</u>	<u>3.821.950.751</u>

(i) Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

(ii) Khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.

18. Vay và nợ**18a. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	11.968.143.432	38.836.938.062
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	25.961.876.800
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	-	25.961.876.800
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.382.226.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	-	1.382.226.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	11.968.143.432	11.492.835.262
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam - Phải trả tiền tạm mượn không tính lãi	5.013.143.432	7.272.835.262
Ông Bùi Đức Cường - Tiền mượn không tính lãi	6.770.000.000	4.220.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Tiền mượn không tính lãi	185.000.000	-
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	380.322.455.992	353.720.404.094
Vay ngắn hạn ngân hàng	310.848.451.920	289.731.395.221
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	118.498.885.575	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	51.526.974.773	161.248.156.101
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	89.684.512.004	77.553.469.120
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	51.138.079.568	50.929.770.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	49.888.133.072	45.930.866.064
Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi	49.888.133.072	45.930.866.064
Vay dài hạn đến hạn trả	19.585.871.000	18.058.142.809
Cộng	<u>392.290.599.424</u>	<u>392.557.342.156</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng, các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ (xem thuyết minh V.2 và V.6).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh V.9 và V.11) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu và thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa và bất động sản chưa hoàn thành.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn (Xem phụ lục 03 đính kèm).

18b. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	2.570.568.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾</i>	-	2.570.568.000
<i>Vay và nợ dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.851.395.686	10.339.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	7.851.395.686	10.339.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾</i>	1.621.395.686	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾</i>	3.290.000.000	6.419.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	2.940.000.000	3.920.000.000
Cộng	<u>7.851.395.686</u>	<u>12.909.568.000</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 8,99%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ phần máy móc thiết bị, thuộc Dự án đầu tư dây chuyền tôm tầm bột tự động với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 08 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, vật tư thiết bị để lắp đặt hệ thống kho lạnh 1.500 tấn thuộc xí nghiệp 5 với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 3 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.824.831.000	5.942.226.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.851.395.686	12.909.568.000
Cộng	13.676.226.686	18.851.794.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.909.568.000	11.977.902.000
Số tiền vay phát sinh	1.000.000.000	7.330.000.000
Số tiền vay đã trả	(233.332.000)	(456.108.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(5.824.840.314)	(5.942.226.000)
Số cuối năm	7.851.395.686	12.909.568.000

18c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
<i>Các đơn vị khác</i>						
Vay	13.761.040.000	-	13.761.040.000	13.498.142.809	3.163.759.176	16.661.901.985
<i>Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải⁽ⁱ⁾</i>	<u>13.761.040.000</u>	<u>-</u>	<u>13.761.040.000</u>	<u>13.498.142.809</u>	<u>3.163.759.176</u>	<u>16.661.901.985</u>
Cộng	13.761.040.000	-	13.761.040.000	13.498.142.809	3.163.759.176	16.661.901.985

⁽ⁱ⁾ Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	-	-	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	1.015.051.916	-	-	1.015.051.916

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.293.288	126.136.509
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(6.147.638)	(116.843.221)
Số cuối năm	3.145.650	9.293.288

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (năm trước thuế suất là 10% và 20%).

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	85.772,50	159.566,96
Euro (EUR)	19,66	19,66

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	483.913.836.867	657.445.767.824

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	553.441.068.048	235.965.891.367
Doanh thu bán phụ phẩm	916.550.100	723.117.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.566.806.156	8.325.678.648
Cộng	<u>1.062.838.261.171</u>	<u>902.460.455.239</u>
1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		
Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	600.273.306	653.737.975
Giảm giá hàng bán	-	208.105.486
Hàng bán bị trả lại	35.143.600	3.286.222.750
Cộng	<u>635.416.906</u>	<u>4.148.066.211</u>
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	419.864.750.088	640.044.853.598
Giá vốn của thành phẩm đã bán	461.693.068.453	127.915.353.950
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.652.555.060	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(21.261.335.580)	2.200.068.410
Cộng	<u>867.949.038.021</u>	<u>770.160.275.958</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.973.016	56.600.154
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.139.433.963	4.665.992.905
Cộng	<u>5.142.406.979</u>	<u>4.722.593.059</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	25.952.390.226	23.130.826.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.832.565.676	5.324.622.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.571.028	428.604.812
Cộng	<u>31.788.526.930</u>	<u>28.884.053.592</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.438.520.081	3.316.024.274
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	456.364	1.152.381.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.297.883	897.887.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.918.200.198	22.486.847.983
Các chi phí khác	7.529.465.068	8.475.713.208
Cộng	<u>31.389.939.594</u>	<u>36.328.854.150</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.947.329.466	14.733.244.478
Chi phí vật liệu quản lý	728.196.832	80.768.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	982.822.358	213.906.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.528.219.355	2.604.199.801
Thuế, phí và lệ phí	1.154.692.150	957.198.869
Dự phòng/(Hoàn nhập) phải thu khó đòi	264.834.994	(69.189.244)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.049.218	235.856.826
Các chi phí khác	19.375.349.671	14.835.468.173
Cộng	<u>40.343.494.044</u>	<u>33.591.453.728</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	615.661.735	-
Thu nhập khác	513.481.895	2.060.926.400
Cộng	<u>1.129.143.630</u>	<u>2.060.926.400</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	119.084.697
Lãi quá hạn	18.794.499	2.570.609.217
Chi phí khấu hao tài sản nuôi tôm Kiên Giang	244.788.924	296.042.921
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	2.446.783.504	788.365.631
Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang	-	906.448.233
Chi phí khác	540.940.307	1.083.429.553
Cộng	<u>3.251.307.234</u>	<u>5.763.980.252</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.893.051.906)	(457.506.842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	448.900.808	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(6.147.639)	(116.843.221)
Cộng	<u>(1.450.298.737)</u>	<u>(574.350.063)</u>

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	80.720.777.026	26.656.897.652

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	80.720.777.026	26.656.897.652
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.105	2.016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.221.234	13.221.234
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.221.234	13.221.234

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.198.924.280.683	792.240.896.958
Chi phí nhân công	87.172.826.458	75.204.452.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.095.661.581	21.479.014.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.863.993.429	189.712.495.395
Chi phí khác	36.802.686.300	28.204.914.090
Cộng	1.434.859.448.451	1.106.841.773.946

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Mượn tiền không tính lãi	172.680.000.000	16.900.000.000
Trả tiền mượn	(170.130.000.000)	(16.900.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục V.17a, V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	714.357.780	740.887.062
Phụ cấp, thù lao	312.000.000	192.000.000
Cộng	1.026.357.780	932.887.062

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau	Cổ đông sáng lập (từ ngày 21/6/2018 không còn là cổ đông)
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	Thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Camimex

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam		
Mua hàng hóa	20.331.186.752	85.179.679.725
Mượn tiền không tính lãi	6.600.000.000	14.082.000.000
Trả tiền mượn	(8.859.691.830)	(14.411.745.844)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thoả thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.12a, và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động kinh doanh thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (2,81% trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	1.007.664.791.508	23.413.433.216
Nước ngoài	54.538.052.757	874.898.955.812
Cộng	1.062.202.844.265	898.312.389.028

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	96.443.230.633	212.891.326.913	24.150.154.904	3.164.195.043	336.648.907.493	
Mua trong năm	8.097.875.821	2.314.274.406	5.117.739.501	-	15.529.889.728	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.200.071.546	-	1.200.071.546	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(694.354.546)	-	(694.354.546)	
Số cuối năm	104.541.106.454	215.205.601.319	29.773.611.405	3.164.195.043	352.684.514.221	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.188.978.734	51.261.867.966	1.675.262.861	1.290.464.887	67.416.574.448	
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	58.230.997.852	125.301.825.264	9.035.623.085	2.667.046.200	195.235.492.401	
Khấu hao trong năm	6.802.394.646	13.149.898.477	2.779.087.642	9.000.000	22.740.380.765	
Tặng do phân loại lại	(1.000.000)	(2.000.000)	275.226.656	(272.226.656)	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(491.834.463)	-	(491.834.463)	
Số cuối năm	65.032.392.498	138.449.723.741	11.598.102.920	2.403.819.544	217.484.038.703	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	38.212.232.781	87.589.501.649	15.114.531.819	497.148.843	141.413.415.092	
Số cuối năm	39.508.713.956	76.755.877.578	18.175.508.485	760.375.499	135.200.475.518	

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý


 Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng


 Lê Hồng Lam
 Người lập



TP. Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Hoàn thuế	Kết chuyển tăng/giảm khác	Phải nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.987.213.421	-	5.405.311.034	(8.176.335.869)	-	-	216.188.586	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	114.370.789	(114.370.789)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.921.741.315	-	(1.326.458)	2.405.268.278	-	-	7.517.799.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.913.038.492	3.707.797.884	14.434.035.357	(4.137.844.847)	-	4.079.491.590	14.580.922.708	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.011.306.267	-	1.576.938.563	(1.187.625.062)	-	-	1.402.577.338	1.957.570
Tiền thuế đất	831.029.159	-	685.301.564	(1.180.079.782)	-	-	336.250.941	-
Thuế tài nguyên	6.694.800	-	147.328.135	(145.046.935)	-	-	8.976.000	-
Các loại thuế khác	96.248.000	-	73.753.450	170.001.450	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	366.628.834	-	132.298.647	(379.910.609)	-	(119.016.872)	-	-
Cộng	9.212.158.973	13.629.539.199	22.569.337.539	(15.152.538.901)	2.405.268.278	3.960.474.718	16.544.915.573	7.519.757.065



Lê Hồng Lam
 Người lập



Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	316.093.268.021	1.244.208.105.847	(181.540.000)	(1.249.271.391.262)	400.005.314	311.248.447.920
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	40.481.701.326	52.721.000.000	-	(62.026.424.822)	-	31.176.276.504
Vay ngắn hạn các cá nhân	16.942.000.000	187.822.000.000	-	(174.084.000.000)	-	30.680.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	19.040.372.809	374.041.344	(71.966.866)	(5.581.407.287)	5.424.835.000	19.185.875.000
Cộng	392.557.342.156	1.485.125.147.191	(253.506.866)	(1.490.963.223.371)	5.824.840.314	392.290.599.424

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Lữ Hồng Lam
Người lập

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(111.570.077.831)	-	22.637.486.005	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	26.656.897.652	-	26.656.897.652	
Xử lý lỗ, công nợ Camimex Kiên Giang	-	-	-	10.384.825.218	-	10.384.825.218	
Tăng do hợp nhất kinh doanh năm trước	-	-	-	-	50.000.000	50.000.000	
Số dư cuối năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(74.528.354.961)	50.000.000	59.729.208.875	
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(74.528.354.961)	50.000.000	59.729.208.875	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	80.720.777.026	47.575.405	80.768.352.431	
Điều chỉnh khoản chênh lệch tiền thuế TNDN các năm trước (*)	-	-	-	(4.079.491.590)	-	(4.079.491.590)	
Tăng/(giảm) do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh năm nay	-	-	-	(4.153.424)	2.004.153.424	2.000.000.000	
Số dư cuối năm nay	132.212.340.000	-	1.995.223.836	2.108.777.051	2.101.728.829	138.418.069.716	

(*) Xử lý khoản chênh lệch giữa biên bản đối chiếu về thuế phải nộp với cơ quan thuế (đến thời điểm 31/12/2018 thì Công ty Cổ phần Camimex Group không còn thuế TNDN nộp thừa cho cơ quan thuế) theo tờ trình ngày 20 tháng 12 năm 2018 được duyệt bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

(Signature)

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

